

Số: 213 /BC-UBND

Kiên Giang, ngày 22 tháng 8 năm 2021

BÁO CÁO

**Đánh giá kết quả thực hiện Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016
của Thủ tướng Chính phủ**

Kính gửi: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Thực hiện Công văn số 1253/LĐTBXH-VPQGGN ngày 04/5/2021 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội về việc đánh giá kết quả thực hiện Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg), cụ thể như sau:

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 48/2016/QĐ-TTg NGÀY 31/10/2016 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

1. Công tác triển khai ban hành quyết định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 của địa phương:

Trên cơ sở Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg, UBND tỉnh đã trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 95/2017/NQ-HĐND ngày 20/7/2017 về ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Theo đó tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 tối thiểu bằng 15% tổng ngân sách Trung ương hỗ trợ. Hàng năm căn cứ vào quyết định giao vốn Trung ương, UBND tỉnh bố trí vốn đối ứng đối với nguồn vốn sự nghiệp thực hiện chương trình đảm bảo tỷ lệ quy định. Cụ thể:

- Năm 2016: Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg, chưa ban hành.

- Năm 2017: Vốn sự nghiệp Trung ương giao là 30.817 triệu đồng, đối ứng của địa phương vốn sự nghiệp là 3.214 triệu đồng đạt 10,4% (phân bổ trước khi có Nghị quyết số 95/2017/NQ-HĐND ngày 20/7/2017).



- Năm 2018: Vốn sự nghiệp Trung ương giao là 14.860 triệu đồng, đối ứng của địa phương vốn sự nghiệp là 2.229 triệu đồng.

- Năm 2019: Vốn sự nghiệp Trung ương giao là 15.706 triệu đồng, đối ứng của địa phương vốn sự nghiệp là 2.356 triệu đồng.

- Năm 2020: Vốn sự nghiệp Trung ương giao là 16.666 triệu đồng, đối ứng của địa phương vốn sự nghiệp là 2.500 triệu đồng;

2. Đánh giá sự phù hợp của hệ thống tiêu chí được quy định tại Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg (tính công khai, minh bạch; công bằng):

- Sự phù hợp của hệ thống tiêu chí phân bổ vốn: Phù hợp, bảo đảm công khai, minh bạch trong việc phân bổ vốn.

- Sự phù hợp của hệ thống tiêu chí, hệ số phân bổ vốn theo từng dự án, tiểu dự án và hoạt động: Căn cứ tỷ lệ hộ nghèo và quy mô hộ nghèo của địa phương để tính hệ số làm cơ sở phân bổ vốn phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

3. Đánh giá việc thực hiện bố trí tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020: Tỉnh Kiên Giang bố trí vốn đối ứng bằng tỷ lệ quy định tối thiểu 15% tổng vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương hỗ trợ.

4. Những mặt được, tồn tại hạn chế và nguyên nhân trong việc thực hiện Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg:

4.1 Những mặt được:

- Việc phân bổ vốn ngân sách Trung ương được thực hiện công khai, minh bạch, đảm bảo nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ, cơ bản phù hợp với điều kiện, đặc thù của từng địa phương.

- Công tác huy động nguồn lực đã được chú trọng ngay từ khâu xây dựng kế hoạch, với định hướng nguồn ngân sách trung ương cân đối bố trí thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ chính; cân đối bố trí đối ứng nguồn ngân sách địa phương, lồng ghép với các chương trình, dự án, đề án khác đang triển khai trên địa bàn tỉnh và huy động sự đóng góp của toàn thể xã hội tham gia xây dựng giảm nghèo bền vững.

- Các cơ chế, chính sách của tỉnh trong triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững được Nhân dân đồng tình hưởng ứng và triển khai thực hiện.

4.2 Tồn tại, hạn chế:

- Phân bổ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo và ban hành các văn bản hướng dẫn quy trình xây dựng, triển khai Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo từ Trung ương về cho địa phương còn chậm.



- Định mức hỗ trợ về cơ sở hạ tầng cho các xã thuộc Chương trình 135 còn thấp chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế; mức hỗ trợ sản xuất cho mô hình và hộ nghèo thấp, thời gian hỗ trợ còn ngắn nên hiệu quả chưa cao, hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, dự án truyền thông giảm nghèo về thông tin bố trí vốn chưa đáp ứng yêu cầu thực tế.

4.3 Nguyên nhân:

Nguồn ngân sách Trung ương dành cho Chương trình còn hạn chế, mặt khác tình hình kinh tế trên địa bàn tỉnh có bước phát triển nhưng vẫn còn khó khăn. Vì vậy, việc chủ động trong huy động nguồn lực cho công tác giảm nghèo có mặt hạn chế; một số địa phương chưa phát huy được nguồn lực của địa phương, của người dân trong việc tham gia vào chương trình

II. ĐỀ XUẤT NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ TỶ LỆ VỐN ĐỐI ỨNG CỦA ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO VÀ AN SINH XÃ HỘI BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương: Nên chia đối tượng theo khu vực (vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khá; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội trung bình; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn). Từ đó, có những tiêu chí cụ thể, phù hợp với từng vùng để đảm bảo các vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn được quan tâm đầu tư.

Hệ thống tiêu chí phân bổ vốn: Phân bổ vốn về địa phương đề nghị không hướng dẫn chi tiết cho từng dự án, chương trình để cho địa phương xem xét phân bổ cụ thể theo điều kiện thực tế sẽ phù hợp, hiệu quả hơn và phải đảm bảo thời gian theo quy định về đầu tư để địa phương được chủ động hơn.

2. Hệ thống tiêu chí cho từng dự án, tiểu dự án:

Cơ bản đề xuất giữ nguyên các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ theo Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg; đồng thời, đề xuất điều chỉnh, bổ sung một số tiểu dự án, cụ thể như sau:

2.1. Dự án 01: Giảm nghèo bền vững (05 Tiểu dự án):

a) Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các huyện nghèo và các xã đặc biệt khó khăn vùng cồn bãi, bãi ngang ven biển và hải đảo.

Định mức phân bổ:

- Về vốn đầu tư phát triển 3 tỷ đồng/xã/năm.
- Về kinh phí sự nghiệp duy tu bảo dưỡng bằng 7% tổng vốn hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng/xã/năm.

b) Tiểu dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế và phát triển mô hình giảm nghèo để nâng cao thu nhập cho người nghèo.

KIẾN GIẢI

Định mức phân bổ 0,5 tỷ đồng/xã/năm.

c) Tiểu dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp để nâng cao thu nhập cho người nghèo.

Định mức phân bổ 0,5 tỷ đồng/xã/năm.

d) Tiểu dự án 4: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin (giữ nguyên các nội dung quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ theo Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg).

đ) Tiểu dự án 5: Nâng cao năng lực tổ chức thực hiện chương trình giảm nghèo. (giữ nguyên các nội dung quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ theo Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg).

2.2 Dự án 02: Phát triển hệ thống giáo dục nghề nghiệp và Việc làm bền vững (04 Tiểu dự án).

Đề thực hiện Dự án 02 “*Phát triển hệ thống giáo dục nghề nghiệp và Việc làm bền vững (04 Tiểu dự án)*” đạt hiệu quả cao nhất trong giai đoạn 2021-2025, đề nghị Trung ương ưu tiên bố trí phân bổ vốn cho các tiểu dự án như sau:

a) Tiểu dự án 01: Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

Đề nghị Trung ương ưu tiên phân bổ vốn giai đoạn 2021-2025 tăng 30% so với giai đoạn 2016-2020 để thực hiện các nhiệm vụ như sau: Phát triển, chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp; phát triển chương trình, giáo trình, tài liệu, tài nguyên học liệu đào tạo; hỗ trợ đầu tư cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp về cơ sở vật chất và trang thiết bị đào tạo và ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý, dạy và học.

b) Tiểu dự án 2: Đào tạo nghề cho những đối tượng chính sách.

Đề nghị Trung ương ưu tiên phân bổ vốn giai đoạn 2021-2025 tăng 30% so với giai đoạn 2016-2020 để thực hiện các nhiệm vụ như sau: Hỗ trợ đào tạo nghề cho đối tượng chính sách; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý; phát triển chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo.

c) Tiểu dự án 3: Hỗ trợ đào tạo nâng cao trình độ cho lao động đi làm việc theo hợp đồng có thời hạn ở nước ngoài.

Đề nghị Trung ương có chính sách hỗ trợ kinh phí giai đoạn 2021-2025 tăng 30% so với giai đoạn 2016-2020 cho người lao động đi làm việc theo hợp đồng có thời hạn ở nước ngoài.

d) Tiểu dự án 4: Phát triển thị trường lao động và việc làm.

Đề nghị Trung ương hỗ trợ kinh phí giai đoạn 2021-2025 tăng 30% so với giai đoạn 2016-2020 phát triển thị trường lao động.

2.3. Dự án 03: Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội (02 Tiểu dự án).



a) Tiểu dự án 1: Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội đối với các đối tượng yếu thế, đề nghị Trung ương có chính sách hỗ trợ kinh phí giai đoạn 2021-2025 tăng 30% so với giai đoạn 2016-2020.

Định mức phân bổ:

Tổng vốn bố trí cho một tỉnh = $(A+B \times \text{tổng số huyện} + C \times \text{tổng số xã}) \times X$.

Trong đó:

A: Định mức bình quân cho 01 tỉnh (triệu đồng).

B: Định mức bình quân cho 01 huyện (triệu đồng).

C: Định mức bình quân cho 01 xã (triệu đồng).

X: Tổng hệ số (hệ số theo dân số + hệ số theo số đơn vị hành chính + hệ số theo số xã biên giới).

b) Tiểu dự án 2: Phát triển hệ thống dịch vụ hỗ trợ người cai nghiện ma túy, đề nghị Trung ương có chính sách hỗ trợ kinh phí giai đoạn 2021-2025 tăng 40% so với giai đoạn 2016-2020.

2.4. Dự án 4: Giám sát, đánh giá chương trình.

Định mức phân bổ:

Tổng vốn bố trí cho một tỉnh = $(A+B \times \text{tổng số huyện} + C \times \text{tổng số xã}) \times X$.

Trong đó:

A: Định mức bình quân cho 01 tỉnh (triệu đồng).

B: Định mức bình quân cho 01 huyện (triệu đồng).

C: Định mức bình quân cho 01 xã (triệu đồng).

X: Tổng hệ số (hệ số theo dân số + hệ số theo số đơn vị hành chính + hệ số theo số xã biên giới).

3. Đề xuất tỷ lệ vốn đối ứng của địa phương: Ngân sách tỉnh đối ứng tối thiểu bằng 15% tổng ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện chương trình.

4. Một số đề xuất, kiến nghị có liên quan:

Đề nghị các Bộ, ngành Trung ương sớm ban hành văn bản hướng dẫn kịp thời để địa phương có căn cứ thực hiện trong giai đoạn 2021- 2025. Vì đến nay các văn bản của Trung ương thực hiện trong giai đoạn 2016-2020 đã hết hiệu lực thi hành nhưng chưa có văn bản hướng dẫn trong giai đoạn tiếp theo, các địa phương gặp khó khăn trong việc phân bổ nguồn vốn kế hoạch năm 2021 và kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 (khi được Trung ương giao vốn).



Trên đây là báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét, cho ý kiến./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP, P. KGVX;
- Lưu: VT, tthuy.



Nguyễn Lưu Trung

